



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo thông báo số 1029/TB-BVT ngày 10/6/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên tài liệu	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Xăng không lỗ kích thước 1,2m x 1,5m vải pê cô xanh tím	1. Chất liệu : kaki; Màu sắc : xanh tím 2. Tiêu chuẩn vải: Bông(14±1)%. Polyester (86±1)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 19,7/1; Ngang(Ne) 19,4/1. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc:461± 10; Ngang:240 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m ² : 222 ± 5. Kiểu dệt vân chéo 3/1. Độ bền màu giặt :4-5. Độ bền với chất tẩy 4-5 3. Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0.7cm, 4 góc chắc chắn. In logo của bệnh viện	Cái	1000	
2	Ga trải giường kích thước: 1,45m x 2,5m	1. Chất liệu : Thô; Màu sắc : màu trắng 2. Tiêu chuẩn vải: Bông (35±1)%. Polyester (65±1)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc : 286± 5; Ngang : 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m ² : 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5. Độ bền với chất tẩy 4-5. 3. Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0.7cm. In logo của bệnh viện	Cái	500	
3	Ruột chăn bông siêu nhẹ Kích thước: 1,5m x 2,0m	Chăn trần một lớp bông ở giữa hai mặt vải cotton. Ruột bông polyester thoáng nhẹ. Kiểu bông trần trám. 4 góc ruột chăn có dây nhỏ dài 15cm để buộc dính với vỏ chăn.	Cái	250	
4	Quần áo blouse bác sĩ, được sĩ đại học, vải Oxford trắng Việt Thắng loại 1 (có mũ+ khâu trang) in logo	1. Chất liệu : oxford; Màu sắc : màu trắng 2. Tiêu chuẩn vải: Bông (35±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc :284± 5; Ngang :249 ± 5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C(%)Dọc :-1,5; Ngang :-1,5; Khối lượng tính bằng g/m ² :144 ± 5. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5. 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khâu trang; Có in logo của Bệnh viện	Bộ	552	
5	Quần áo Blouse Điều dưỡng + kỹ thuật viên, vải	1. Chất liệu : oxford; Màu sắc : màu trắng 2. Tiêu chuẩn vải: Bông (35±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc :284± 5; Ngang :249 ± 5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô,	Bộ	996	



TT	Tên tài liệu	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	oxford trắng Việt Thắng loại 1 (có mũ+ khẩu trang) in logo	40°C(%)Dọc :-1,5; Ngang :-1,5; Khối lượng tính bằng g/m2:144 ± 5. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5. 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện			
6	Áo Váy blouse điều dưỡng yêu cầu vải kaki màu trắng (có mũ + khẩu trang) in logo	1. Chất liệu: vải kaki chun; Màu sắc: màu trắng 2. Tiêu chuẩn vải: Polyester (79±2) %, Viscose(15 ±2,0)%, Spandex (6 ±1,0)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 496±5; Ngang: 400±5; Khối lượng tính bằng g/m2: 256±5; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C(%): Dọc: -0,5, ngang: 0. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Váy, mũ cánh , khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	Bộ	50	
7	Quần áo Blouse Hộ lý, vớ Oxford xanh Hòa Bình Việt Thắng loại 1 (có mũ + khẩu trang) in logo	1. Chất liệu : Oxford; Màu sắc: màu trắng Tiêu chuẩn vải: 2. Tiêu chuẩn vải: Bông (35±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 284± 5; Ngang: 249 ± 5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C(%)Dọc: -1,5; Ngang:-1,5; Khối lượng tính bằng g/m2:144 ± 5. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5. 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khẩu trang; Có in logo của Bệnh viện	Bộ	42	
8	Quần áo công nhân kỹ thuật. Quần âu, áo bu đông vải kaki màu xanh đen.	1. Chất liệu : kaki; Màu sắc: màu xanh đen 2. Tiêu chuẩn vải: Bông (16±1)%. Polyester (84±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc :436± 5; Ngang :214 ± 5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C(%)Dọc :-0,5; Ngang :-0: Khối lượng tính bằng g/m2:213 ± 5. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :3-5. 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo,	Bộ	42	
9	Quần áo nhân viên lái xe vải kaki màu xanh đen	1. Chất liệu : kaki; Màu sắc: màu xanh đen 2. Tiêu chuẩn vải: Bông (16±1)%. Polyester (84±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc :436± 5; Ngang :214 ± 5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô,	Bộ	14	



NH

ENH

A KH

DS

TT	Tên tài liệu	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		40°C(%)Dọc :-0,5; Ngang :-0: Khối lượng tính bằng g/m ² :213 ± 5. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :3-5. 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo,			
10	Quần áo nhân viên bảo vệ, Quần âu vải kaki xanh tím than + áo vải thô xi măng	1. Chất liệu: Áo thô xi măng ; Quần kaki tím than 2. Tiêu chuẩn vải áo : Bông (35±1)%. Polyester (65±1)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc : 286± 5; Ngang : 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m ² : 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5. Độ bền với chất tẩy 4-5. 3. Tiêu chuẩn vải quần : Bông (16±1)%. Polyester (84±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc :436± 5; Ngang :214 ± 5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C(%)Dọc :-0,5; Ngang :-0: Khối lượng tính bằng g/m ² :213 ± 5. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :3-5. 4. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo.	Bộ	8	
11	Quần áo nữ văn phòng: Áo vải bamboo + Quần vải kaki chun	1. Chất liệu: - Áo Vải Bamboo thành phần 100% sợi tre tự nhiên; Chất vải co giãn nhẹ, mặt vải mịn và mềm. - Quần vải kaki chun: Polyester (79±2) %, 2. 2. Tiêu chuẩn vải: Viscose(15 ±2,0)%, Spandex (6 ±1,0)% 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo.	Bộ	60	
12	Quần áo nam văn phòng: Áo vải bamboo + Quần vải tuytsy	1. Chất liệu: - Áo Vải Bamboo thành phần 100% sợi tre tự nhiên; Chất vải co giãn nhẹ, mặt vải mịn và mềm. - Quần vải tuytsy 2. Tiêu chuẩn Vải tuyết si, thành phần: Bông 85% và 15% Polyester 15%; Chất vải mềm, mịn, co giãn nhẹ, thấm hút mồ hôi 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo.	Bộ	54	
13	Áo váy blouse điều dưỡng công tác xã hội vải kaki màu	1. Chất liệu: vải kaki chun; Màu sắc: màu hồng 2. Tiêu chuẩn vải: Polyester (79±2) %, Viscose(15 ±2,0)%, Spandex (6 ±1,0)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc: 496±5; Ngang: 400±5; Khối lượng tính bằng	Bộ	14	

TT	Tên tài liệu	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	hông (có mũ + khâu trang) in logo	g/m2: 256±5; Độ bền màu giặt: 4-5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô 40°C(%): Dọc: -0,5, ngang: 0. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Váy, mũ cánh , khâu trang; Có in logo của Bệnh viện			
14	Quần áo Blouse được sĩ trung học, vải Oxford trắng Việt Thắng loại 1 (có mũ + khâu trang) in logo.	1. Chất liệu : Oxford; Màu sắc: màu trắng 2. Tiêu chuẩn vải: Bông (35±1)%. Polyester (65±1)%; Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc :284± 5; Ngang :249 ± 5; Thay đổi kích thước sau giặt và làm khô, 40°C(%)Dọc :-1,5; Ngang :-1,5; Khối lượng tính bằng g/m2:144 ± 5. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5. 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015 - 01 bộ bao gồm: Quần, áo, mũ, khâu trang; Có in logo của Bệnh viện	Bộ	38	
15	Quần áo kẻ bệnh nhân ngoại khoa	1. Chất liệu: Thô; Màu sắc : kẻ sọc 2. Tiêu chuẩn vải: Bông(8±1)%. Polyester (92±1)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 42,8/1; Ngang(Ne) 39,8/1. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc :412± 5; Ngang ≥ 274 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m2 ≥ 101 ± 5. Kiểu dệt vân điểm; Độ bền màu giặt :4-5 .Độ bền với chất tẩy 4-5. 2. Quy cách may: 3. Quy cách may: Theo Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/ 2015	Cái	10	Khoa nội B
16	Ga xanh trái cánh cho các khoa KT: 2,1 x 1,2 m	1. Chất liệu : Thô; Màu sắc : màu xanh 2. Tiêu chuẩn vải: Bông (35±1)%. Polyester (65±1)%; Độ nhỏ sợi tách từ vải Dọc(Ne) 46,8/2; Ngang(Ne) 46,4/2. Mật độ sợi, tính bằng số sợi/10cm: Dọc : 286± 5; Ngang : 250 ± 5. Khối lượng tính bằng g/m2: 152 ± 5. Kiểu dệt vân điểm. Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t. Độ bền màu giặt :4-5. Độ bền với chất tẩy 4-5.	Cái	200	

TT	Tên tài liệu	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
		3. Quy cách may: May xung quanh mép, đường may 0.7cm. In logo của bệnh viện			
18	Chăn xuân thu	1. Chất liệu: 100% cotton; Sợi bông mềm; Màu sắc: Xanh 2. Kích thước: 2.2 x 1.6 (m). 3. Quy cách may : Trần trám	Cái	50	

(Lưu ý: Giá báo giá phải bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác...cung cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, hàng hóa mới 100%).

